

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2018

V/v “*Kiến xin ly hôn,
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh
2. Ông Ngô Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Krông Pắc không tham gia phiên tòa:

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc “*Kiến xin ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2016/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; sinh năm: 1989 có mặt

Địa chỉ: Ấp 8, xã LT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Trịnh Phi H; sinh năm: 1990 có mặt

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2018, quá trình lấy lời khai, hòa giải tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L trình bày:

-Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Phi H quen biết nhau từ tháng 5 năm 2015 sau một thời gian tìm hiểu thì đến tháng 5 năm 2016 thì Anh Trịnh Phi H và chị Nguyễn Thị L quyết định tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đến đầu tháng 7 năm 2017 thì hai vợ chồng ly thân.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 chị Nguyễn Thị L làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Phi H.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị L, anh Trịnh Phi H có một con chung là cháu Nguyễn Trịnh Tú A; sinh ngày 31/12/2016. Hiện nay cháu Nguyễn Trịnh Tú A đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Nguyễn Trịnh Tú A đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Trịnh Phi H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trịnh Phi H và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng và nợ riêng: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Trịnh Phi H trình bày:

-Về tình cảm: Anh Trịnh Phi H và chị Nguyễn Thị L quen biết nhau từ tháng 5 năm 2015 sau một thời gian tìm hiểu thì đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và quyết định tiến đến hôn nhân và về chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2016, trước khi về chung sống có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đến đầu tháng 7 năm 2017 thì hai vợ chồng ly thân mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay chị Nguyễn Thị L làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân anh Trịnh Phi H. Anh Trịnh Phi H đồng ý và yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh Trịnh Phi H và chị Nguyễn Thị L.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị L, anh Trịnh Phi H có một con chung là cháu Nguyễn Trịnh Tú A; sinh ngày 31/12/2016. Hiện nay cháu Tú A đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Trịnh Tú A đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Trịnh Phi H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Trịnh Phi H và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng và nợ riêng*: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Trịnh Phi H; Bị đơn anh Trịnh Phi H nhất trí như yêu cầu của chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trịnh Phi H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa bàn huyện Krông Pắc, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2018, thì xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS năm 2015.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L với anh Trịnh Phi H chung sống với nhau như vợ chồng khoảng từ 5/2016 đến tháng 7/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội để tuyên bố không công nhận Chị Nguyễn Thị L với anh Trịnh Phi H là vợ chồng là phù hợp.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa Chị Nguyễn Thị L với anh Trịnh Phi H có 01 con chung là cháu Nguyễn Trịnh Tú A, sinh ngày 31/12/2016. Quá trình làm việc tại Tòa án, hai bên thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Trịnh Tú A, sinh ngày 31/12/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn Trịnh Tú A đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Trịnh Phi H phải cấp dưỡng để nuôi cháu Nguyễn Trịnh Tú A, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L với anh Trịnh Phi H tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết

[6] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; Điều 147; Điều 203; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc Kiện xin ly hôn, con chung

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Phi H là vợ chồng.

2.Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Trịnh Tú A, sinh ngày 31/12/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn Trịnh Tú A đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trịnh Phi H được quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Trịnh Phi H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Buộc Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/00035101 ngày 22/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện Krông Pắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Thuần

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Krông Pắc, ngày 26 tháng 7 năm 2018

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

Với thành phần gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyên.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

Căn cứ vào Điều 264 BLTTDS .

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại phòng nghị án, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Hội đồng xét xử Sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Kiện xin ly hôn, con chung” thụ lý số: 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L; sinh năm: 1989

Địa chỉ: Ấp 8, xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- **Bị đơn:** Anh Trịnh Phi H; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến yêu cầu của các đương sự tham gia tố tụng tại phiên toà, sau khi từng thành viên Hội đồng xét xử nêu ý kiến thảo luận, quyết định về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và tiến hành biểu quyết như sau:

*** Về điều luật áp dụng:**

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; Điều 147; Điều 203; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Kết quả biểu quyết 3/3

**** Các quyết định của HĐXX:***

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc “Kiện xin ly hôn, con chung”.

Kết quả biểu quyết 3/3

xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Phi H là vợ chồng.

Kết quả biểu quyết 3/3

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Trịnh Tú Anh, sinh ngày 31/12/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn Trịnh Tú Anh đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trịnh Phi H được quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Trịnh Phi H thực hiện quyền này

Kết quả biểu quyết 3/3

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3

Về án phí: Buộc Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/00035101 ngày 22/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Kết quả biểu quyết 3/3

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Kết quả biểu quyết 3/3

Biên bản lập xong hồi 9 giờ 15 phút cùng ngày, đã thông qua tại phòng nghị án và đều nhất trí ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Tuyển Trịnh Thị Oanh

Nguyễn Duy Thuận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Lưu hồ sơ, VP.*

Nguyễn Duy Thuận